

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 07 /2022/DS-ST

Ngày 28/4/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Toàn

2. Bà Lê Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-DS ngày 21/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Lương Thị P - sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Trọng C – sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị K – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Hoàng Anh H – sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và bà Lương Thị P có mối quan hệ quen biết, do bà có đến nhà bà Lương Thị P, ông Hoàng Anh H chữa bệnh, trong thời gian chữa bệnh tại nhà bà P, ông H

thì bà P đã hỏi vay bà tiền cho chị Hoàng Thị Thu H1 (con gái của ông H) để chị H1 sử dụng làm việc và làm bằng lái xe cho mọi người, bà đồng ý cho vay. Ngày 24/7/2013 bà mang tiền đến cho bà P vay số tiền là 20.000.000 đồng, khi nhận tiền bà P có viết vào sổ của bà ký nhận số tiền 20.000.000 đồng. Trong giấy nhận tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, bà P có hứa bằng miệng là khi nào chị H1 xong việc thì sẽ trả. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay bà P không có trách nhiệm trả cho bà số tiền đã vay. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi ngân hàng hiện hành, số tiền lãi tạm tính đến tháng 4/2022 là 23.580.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 43.580.000.000 đồng

Bị đơn là bà Lương Thị P trình bày: bà và bà K không có mối quan hệ quen biết gì, bà không vay tiền bà K. Bà có nhận của bà K số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này bà nhận hộ con gái riêng của chồng bà là chị Hoàng Thị Thu H1. Số tiền 20.000.000 đồng bà nhận của bà K khoảng 1 tiếng sau khi chị H1 về nhà bà đã đưa cho chị H1, việc giao nhận tiền giữa bà và chị H1 không có văn bản giấy tờ gì. Đến nay bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh số tiền bà nhận của bà K và đã giao cho chị H1. Nay bà K khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, bà không đồng ý trả. Bà P yêu cầu áp dụng thời hiệu trong vụ án này để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Trọng C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K làm đơn khởi kiện và tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Anh H trình bày: Việc bà P và bà K nhận tiền và viết giấy nhận tiền như nào ông không biết. Ông không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà K và bà P. Ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông đến tòa án làm việc và không gửi giấy tờ gì cho ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Lương Thị P phải thanh toán trả bà số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lương Thị P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, bà xác định bà không vay tiền bà K, bà có nhận số tiền 20.000.000 đồng của bà K, có viết và ký vào sổ của bà K. Số tiền này bà nhận hộ chị H1 là con gái riêng của chồng bà, hiện nay chị H1 không có mặt ở nhà, đi đâu, làm gì bà không biết. Bà đã đưa số tiền 20.000.000 đồng này cho chị H1, đến nay bà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh bà đã đưa tiền cho chị H1. Từ khi bà nhận tiền của bà K đến trước ngày bà K khởi kiện ra Tòa án bà K chưa khi nào yêu cầu bà trả tiền, đến ngày 07/5/2021 bà nhận được đơn khởi kiện đòi nợ do bà K gửi qua

đường bưu điện, lúc này bà mới biết bà K yêu cầu bà trả tiền, bà có biết được nội dung đơn khởi kiện của bà K là yêu cầu bà trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi theo lãi ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Anh H xác nhận không biết việc giao nhận tiền giữa bà Nguyễn Thị K và bà Lương Thị P. Ông không liên quan đến việc giao nhận tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX xử áp dụng các điều 471, Khoản 4 Điều 474, Điều 477 - Bộ Luật dân sự năm 2005.

Điều 144, 147-Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Lương Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Về số tiền lãi, do các bên không thỏa thuận về lãi, nên áp dụng quy định tại Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, bà P không phải chịu lãi suất.

Bà Lương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 20.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về lãi suất. Tuy nhiên, bà K là người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, bà K được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Lương Thị P trú tại tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Ông Vũ Trọng C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K tham gia tố tụng tại Tòa án. Bà Nguyễn Thị K là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Trọng C có mặt tại phiên tòa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: trong vụ án này bà P yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. HĐXX xét thấy, đây là vụ án “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì có thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, cụ thể trong vụ án này hợp đồng vay tài sản giữa bà K và bà P là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi nên bà K có quyền yêu cầu bà P trả nợ bất cứ lúc nào. Do vậy việc bà K khởi kiện bà P là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Nội dung vụ án:

Về Luật nội dung áp dụng: hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 24/7/2013, hiện nay hợp đồng này vẫn đang thực hiện. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để làm căn cứ giải quyết trong vụ án này.

Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa bà Nguyễn Thị K và bà Lương Thị P có mối quan hệ quen biết. Ngày 24/7/2013 bà Lương Thị P có nhận của bà Nguyễn Thị K số tiền là 20.000.000 đồng, khi nhận tiền bà P có viết vào sổ của bà K với nội dung là nhận của bà K số tiền trên và ký nhận. Tại giấy nhận tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả tiền. Bà P xác nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận tiền là chữ viết chữ ký của bà. Nhưng bà không vay tiền của bà K mà là chị H1 con gái riêng của chồng bà vay tiền của bà K. Ngày 24/7/2013 bà K mang tiền đến cho chị H1 vay nhưng chị H1 không có nhà nên bà có nhận thay chị H1 số tiền 20.000.000 đồng của bà K. Khoản tiền này bà đã đưa cho chị H1 sau khi chị H1 về nhà. Tuy nhiên bà không có tài liệu gì chứng minh việc nhận tiền từ bà K là nhận thay chị H1 và việc bà đã đưa lại số tiền trên cho chị H1, bà cũng xác định đến nay chưa trả lại bà K số tiền trên. Hiện nay chị Hoàng Thị Thu H1 không có mặt ở địa phương, vì vậy không thể tiến hành đối chất giữa các bên đương sự và làm rõ nội dung theo lời trình bày của bà P. Về nội dung bà P khai nhận tiền thay chị H1 và đã đưa lại tiền cho chị H1 nếu sau này bà P có yêu cầu đối với chị H1 thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác để đảm bảo quyền lợi của bà P, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Từ những phân tích trên, có thể khẳng định ngày 24/7/2013 bà Lương Thị P có nhận của bà Nguyễn Thị K số tiền 20.000.000 đồng, nhưng từ khi nhận tiền đến nay bà P chưa trả bà Nguyễn Thị K. Tuy nội dung trong giấy bà P viết không phải là vay tiền nhưng việc hai bên giao tiền cho nhau là có thật, bà Nguyễn Thị K chỉ yêu cầu một mình bà Lương Thị P phải trả lại bà số tiền đã vay và không có căn cứ xác định bà Lương Thị P sử dụng số tiền vay của bà K vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K là có căn cứ, cần buộc bà Lương Thị P phải trả bà Nguyễn Thị K số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị K yêu cầu bà Lương Thị P phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà K trình bày sau khi cho bà P vay tiền 1 tháng thì liên tục đến đòi tiền bà P tuy nhiên bà P không thừa nhận. Bà P xác định bà K không đến đòi nợ bà P mà chỉ đến tìm chị H nhưng không gặp. Hai bên chỉ có lời khai tại Tòa án nhưng cũng không có tài liệu chứng minh về thời hạn trả nợ hay thời điểm bà K yêu cầu bà P phải trả nợ. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 thì cần xác định thời gian hợp lý làm căn cứ tính lãi suất chậm trả đối với yêu cầu khởi kiện của bà K. Bà P xác định bà chỉ biết việc bà K đòi nợ mình khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do bà K gửi qua đường bưu điện ngày 07/5/2021. Bà K không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà đòi nợ bà P vào thời điểm khác nên cần lấy mốc ngày 07/5/2021 để tính lãi suất mà bà K được hưởng là phù hợp quy định của pháp luật. Do sau ngày 07/5/2021 bà P không trả bà K số tiền 20.000.000 nên bà P đã vi phạm nghĩa vụ dân sự, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Do bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà K nên bà P phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 08/5/2021 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để buộc bà P phải trả lãi suất cho bà K với mức 10%/ năm, tương đương 0,83%/ tháng. Cụ thể từ ngày 08/5/2021 đến ngày 28/4/2022 là 11 tháng 20 ngày: Nợ gốc 20.000.000đồng x 0,83%/ tháng x 11 tháng 20 ngày = 1.936.666 đồng.

Như vậy, số tiền cần buộc bà P phải có nghĩa vụ trả bà K là: Tiền nợ gốc 20.000.000 đồng + 1.936.666 đồng tiền lãi = 21.936.666 đồng.

Về án phí: Bà Lương Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà K không phải chịu án phí DSST.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V không chấp nhận phần yêu cầu lãi suất của bà Nguyễn Thị K do hai bên không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản: HĐXX xét thấy, mặc dù hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nhưng theo quy định tại Điều 357 và Điều 469 BLDS 2015 thì bà K được nhận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ bà P. Vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu về lãi suất là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688; các Điều 463 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

(2) Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K

Buộc bà Lương Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 1.936.666 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 21.936.666 đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm ba sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(3) Án phí: Bà Lương Thị P phải chịu 1.096.833 đồng tiền án phí DSST.

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Tuyết